Bài tập tuần 22

Các em chụp gửi cho thầy qua Zalo sau tiết học A2 một ngày nhé! Em nào không in bài được thì hãy mở File ra xem và trả lời, viết vào vở rồi chụp gửi cho thầy.

I. Look, read and match – Nhìn, đọc và nối:

1.	2.	3.	4.	5.
a. Shh!	b. chicken	c. farmer	d. candy	e. hot

II. Circle the odd one out – Khoanh tròn hình khác biệt:

1. (a) **b.** **c.** **d.** **e.**

2. **a.** **b.** **c.** **d.** **e.**

3. **a.** **b.** **c.** **d.** **e.**

4. a. **b.** **c.** **d.** **e.**

5. **a.** **b.** **c.** **d.** **e.**

III. Identify the words – Xác định từ:

weatherdoctorlunchtimecandyshopingblanketrainingcool

III. Look, choose and write – Nhìn, chọn và viết:

bear *windy* *sunny* *chips* ***Red*** *noodles*	
0. ***Red*** *light. Stop!*	
1. That's my bear. *No. It's my* _____ .	
2. I'm hungry. *Have some* _____.	
34. It's _____. *I'm hot.*	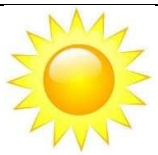
4. I want _____. *No. Not today.*	

IV. Reorder the words and write – Sắp xếp lại từ và viết :

0. **today. / No. / not** → No. Not today.

1. **cool. / I'm / windy. / It's** →……..

2. **'s / It / good. / Mmm.** →……..

3. **Be / Shh! / quiet!** → ……..

4. **Go! / light. / Green** →……..